

Số 1544/QĐ-UBND

Chí Linh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách hưởng phụ cấp thâm niên lần đầu đối với nhà giáo công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập ngành GD&ĐT thành phố Chí Linh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức, Luật viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ Quy định về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo;

Căn cứ Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hội, quỹ cấp tỉnh và người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội thành phố Chí Linh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách hưởng phụ cấp thâm niên lần đầu đối với nhà giáo công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Chí Linh. Tổng số: 89 người, trong đó: Khối Mầm non: 45 người; Khối Tiểu học: 33 người; Khối Trung học cơ sở: 11 người (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở thành phố Chí Linh căn cứ danh sách và thời gian được phê duyệt, quyết định hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo lần đầu đối với từng giáo viên theo phân cấp quản lý hiện hành.

Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo giao trong dự toán ngân sách của các đơn vị.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND thành phố; Trưởng các phòng: Nội vụ, GD&ĐT, Tài chính - Kế hoạch thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

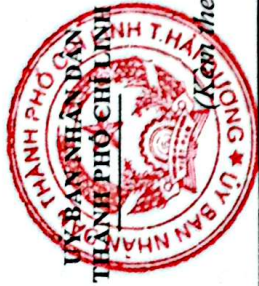
- Như Điều 3;

- Lưu: VT, NV. //

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Hưng



DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐƯỢC HƯỚNG PHỤ CẤP THẨM NIÊN NHÀ GIÁO - KHỐI MẦM NON

(Kèm theo Quyết định số 1514 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Chi Linh)

TT	Đơn vị	Họ và tên	Nam/ nữ	Ngày tháng năm sinh	Hạng CDNN hiện giữ	Mã hạng CDNN hiện giữ	Ngày, tháng năm tuyển dụng viên chức	Tổng thời gian đóng BHXH bắt buộc tại vị trí giảng dạy, giáo dục (tính đến hết 31/3/2025)	Tổng số tháng, năm phải tập sự	Thời gian để tính hướng PC thẩm niên	Tỷ lệ (%) PC thẩm niên được hướng lần đầu	Thời gian hướng PC TN lần đầu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	MN An Lạc	Mạc Thị Thanh Hoa	Nữ	02/04/1996	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/07/2020	5N7T	06T	5N1T	5%	01/4/2025	
2	MN An Lạc	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	16/12/1995	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	5N7T	06T	5N1T	5%	01/4/2025	
3	MN Bắc An	Cao Thị Thêu	Nữ	29/09/1996	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/7/2020	5N7T	06T	5N1T	5%	01/4/2025	
4	MN Bắc An	Trần Kim Phượng	Nữ	23/06/1992	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	01/01/2024	8N10T	09T	8N1T	8%	01/4/2025	
5	MN Chí Minh	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	11/09/1995	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/07/2020	6N10T	06T	6N4T	6%	01/4/2025	
6	MN Chí Minh	Nguyễn Thị Thu	Nữ	28/06/1996	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	01/01/2022	6N1T	09T	5N4T	5%	01/4/2025	
7	MN Chí Minh	Dương Thị Hiền	Nữ	18/09/1989	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	5N7T	06T	5N1T	5%	01/4/2025	
8	MN Chí Minh	Mạc Thị Hương	Nữ	12/08/1988	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	6N	06T	5N6T	5%	01/4/2025	
9	MN Chí Minh	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	19/08/1989	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	6N7T	06T	6N1T	6%	01/4/2025	
10	MN Chí Minh	Trương Thị Luận	Nữ	09/04/1988	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/07/2020	5N7T	06T	5N1T	5%	01/4/2025	
11	MN Chí Minh	Vũ Thị Hương	Nữ	12/06/1985	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	6N6T	06T	6N	6%	01/4/2025	
12	MN Cổ Thánh	Phạm Thị Thùy Dung	Nữ	07/08/1996	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	7N5T	06T	6N11T	6%	01/4/2025	
13	MN Cổ Thánh	Trần Thị Hân	Nữ	22/04/1997	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	01/01/2022	6N9T	09T	6N	6%	01/4/2025	
14	MN Cộng Hòa	Hoàng Thị Hồng	Nữ	05/04/1994	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	01/01/2022	6N11T	09T	6N2T	6%	01/4/2025	

TT	Đơn vị	Họ và tên	Nam/ nữ	Ngày tháng năm sinh	Hạng CDNN hiện giờ	MA hạng CDNN hiện giờ	Ngày, tháng năm tuyển dùng viên chức	Tổng thời gian đóng trí giảng dạy, giáo dục (tính đến hết 31/3/2025)	Tổng số tháng, năm phải tập sự	Thời gian để tính hưởng PC thâm niên	Tỷ lệ (%) PC thâm niên được hưởng lần đầu	Thời gian hưởng PCTN lần đầu	Ghi chú
15	MN Công Hòa	Ngô Thị Thùy	Nữ	27/07/1997	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	5N11T	06T	5N5T	5%	01/4/2025	
16	MN Công Hòa	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	04/11/1987	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	5N7T	06T	5N1T	5%	01/4/2025	
17	MN Công Hòa	Vũ Thị Minh Nguyệt	Nữ	20/07/1983	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	01/01/2023	6N4T	09T	5N7T	5%	01/4/2025	
18	MN Công Hòa	Hoàng Thị Luyện	Nữ	17/04/1996	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	5N7T	06T	5N1T	5%	01/4/2025	
19	MN Công Hòa	Nguyễn Thị Liên	Nữ	08/09/1994	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	5N6T	06T	5N	5%	01/4/2025	
20	MN Hoa Thám	Nguyễn Thị Thơm	Nữ	09/11/1989	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	01/01/2022	6N10T	09T	6N01T	6%	01/4/2025	
21	MN Hoa Thám	Phạm Thị Ngọc	Nữ	10/10/1997	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/07/2020	5N07T	06T	5N01T	5%	01/4/2025	
22	MN Hoàng Tân	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	04/02/1991	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	01/01/2024	10N3T	09T	9N6T	9%	01/4/2025	
23	MN Hoàng Tân	Nguyễn Thị Lương	Nữ	27/3/1992	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	01/01/2024	9N06T	09T	8N09T	8%	01/4/2025	
24	MN Hoàng Tân	Phùng Thị Tú Uyên	Nữ	15/9/1996	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	6N02T	06T	5N08T	5%	01/4/2025	
25	MN Hoàng Tân	Lê Thị Thơm	Nữ	20/04/1991	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	6N7T	06T	6N01T	6%	01/4/2025	
26	MN Hoàng Tân	Trần Thị Phương Thủy	Nữ	26/01/1987	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	01/01/2024	8N8T	09T	7N11T	7%	01/4/2025	
27	MN Hưng Đạo	Nguyễn Thị Thu	Nữ	05/12/1994	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	6N	06T	5N6T	5%	01/4/2025	
28	MN Hưng Đạo	Phạm Thị Duyên	Nữ	18/12/1996	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	5N8T	06T	5N2T	5%	01/4/2025	
29	MN Lê Lợi	Lê Thị Thái	Nữ	20/01/1995	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/07/2020	6N	06T	5N 6T	5%	01/4/2025	
30	MN Lê Lợi	Lê Thị Hiền	Nữ	18/04/1993	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	5N 7T	06T	5N 1T	5%	01/4/2025	
31	MN Nhân Huệ	Bùi Thị Phương Anh	Nữ	25/05/1995	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	6N1T	06T	5N7T	5%	01/4/2025	
32	MN Nhân Huệ	Đông Thị Thu	Nữ	03/11/1992	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	01/01/2024	10N8T	09T	9N11T	9%	01/4/2025	

TT	Đơn vị	Họ và tên	Nam/ nữ	Ngày tháng năm sinh	Hạng CDNN hiện giữ	Mã hạng CDNN hiện giữ	Ngày, tháng năm tuyển dụng viên chức	Tổng thời gian đóng BHXH bắt buộc tại vị trí giảng dạy, giáo dục (tính đến hết 31/3/2025)	Tổng số tháng, năm phải tập sự	Thời gian để tính hưởng PC thăm niên	Tỷ lệ (%) PC thăm niên được hưởng lần đầu	Thời gian hưởng PC TN lần đầu	Ghi chú
33	MN Phá Lại	Đào Thanh Hương Giang	Nữ	17/02/1989	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/07/2020	5N 7T	06T	5N 1T	5%	01/4/2025	
34	MN Phá Lại	Đoàn Thị Liên	Nữ	23/09/1994	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/07/2020	5N 7T	06T	5N 1T	5%	01/4/2025	
35	MN Phá Lại	Đồng Thị Lan	Nữ	05/11/1992	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	5N 7T	06T	5N 1T	5%	01/4/2025	
36	MN Phá Lại	Vũ Thị Huệ	Nữ	08/12/1990	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/07/2020	5N 7T	06T	5N 1T	5%	01/4/2025	
37	MN Phá Lại	Đồng Thị Phương	Nữ	28/07/1990	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	01/01/2022	6N 7T	09T	5N 10T	5%	01/4/2025	
38	MN Phá Lại	Nguyễn Thị Lành	Nữ	23/06/1991	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	7N 2T	06T	6N 8T	6%	01/4/2025	
39	MN Phá Lại	Phạm Thị Thúy	Nữ	31/05/1984	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/07/2020	6N 8T	06T	6N 2T	6%	01/4/2025	
40	MN Sao Đỏ	Nguyễn Thị Thương	Nữ	29/12/1992	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	6N 2T	06T	5N 8T	5%	01/4/2025	
41	MN Văn An	Trần Thị Huệ	Nữ	02/10/1987	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	6N 7T	06T	6N 1T	6%	01/4/2025	
42	MN Văn Đức	Trần Thị Nội	Nữ	08/08/1990	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	5N 7T	06T	5N 1T	5%	01/4/2025	
43	MN Văn Đức	Nguyễn Thị Dung	Nữ	14/7/1987	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	5N 7T	06T	5N 1T	5%	01/4/2025	
44	MN Văn Đức	Nguyễn Thị Nga	Nữ	06/5/1982	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	5N 7T	06T	5N 1T	5%	01/4/2025	
45	MN Văn Đức	Mạc Thị Hoàn	Nữ	22/12/1987	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/07/2020	5N 7T	06T	5N 1T	5%	01/4/2025	